

PHỤ LỤC SỐ 05
APPENDIX 05

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

Công ty CP Tập đoàn
Vinacontrol

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: **30**/HĐQT - QTCT
No. **30**/HĐQT - QTCT

Hà Nội, ngày **23** tháng 01 năm 2019
Hanoi **23rd** Jan 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY
(Năm 2018)
(Year 2018)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

To: - *The State Securities Commission*
- *The Stock Exchange*

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company: Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: 54 Trần Nhân Tông, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại/ Telephone: 024-3943-3840; Fax: 024-3943-3844; Email: vinacontrol@vinacontrol.com.vn
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 104.999.550.000 đồng
- Mã chứng khoán/ Securities code: VNC

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/
Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	060/ĐHĐCĐ-NQ	09/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 • Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS • Thông qua Báo cáo tài chính và tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017 • Phương hướng phát triển kinh doanh năm 2018 • Thông qua Sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, thay đổi chức danh Người đại diện theo pháp luật • Thông qua mức thù lao của HĐQT và BKS • Giao cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2018 • Kết quả bầu thành viên HĐQT và BKS – nhiệm kỳ 2018-2023

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm 2018)/ *Board of Management (Semi-annual/annual report):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Management:*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>BOM's member</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ <i>Day becoming/no longer member of the Board of Management</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of attendance</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Percent age</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Bùi Duy Chinh	Chủ tịch HĐQT	09/04/2018	4	100%	
2	Ông Mai Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT	09/04/2018	4	100%	

3	Ông Phan Văn Hùng	Ủy viên HĐQT	09/04/2018	4	100%	
4	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT	09/04/2018	4	100%	
5	Bà Dương Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	09/04/2018	4	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ *Supervision by the BOD over the Director (General Director):*

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, Chủ tịch HĐQT, hai ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong Ban Tổng giám đốc (Ông Mai Tiến Dũng, ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Ông Phan Văn Hùng, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc) và 2 ủy viên không điều hành, trong đó có 1 ủy viên là đại diện của SCIC (cổ đông lớn của Công ty) đã giúp cho việc thống nhất và chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành đạt hiệu quả cao.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp 04 phiên họp thường kỳ nhằm đánh giá tình hình hoạt động của toàn Công ty, đưa ra ý kiến chỉ đạo trực tiếp, giám sát và định hướng đối với công tác quản lý và điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors' committees:*

Không có Tiểu ban thuộc HĐQT.

Hội đồng quản trị cử Người phụ trách quản trị Công ty (có 02 Trợ lý giúp việc) để hỗ trợ HĐQT các công việc theo quy định trong Điều lệ Công ty.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm 2018)/
Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	037/NQ-HĐQT	01/03/2018	Kết quả cuộc họp thường kỳ ngày 26/02/2018
2	062/QĐ-HĐQT	10/04/2018	Bầu Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm TGD nhiệm kỳ 2018-2023
3	063/QĐ-HĐQT	10/04/2018	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017
4	064/QĐ-HĐQT	10/04/2018	Tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
5	065/QĐ-HĐQT	10/04/2018	Tái bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty
6	066/QĐ-HĐQT	15/04/2018	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh
7	067/QĐ-HĐQT	15/04/2018	Bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty TNHH giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh
7	068/QĐ-HĐQT	15/04/2018	Bổ nhiệm cán bộ tham gia vào Ban kiểm soát Công ty TNHH giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh
8	072/QĐ-HĐQT	24/04/2018	Cử Người phụ trách quản trị Công ty
9	075/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol Hà Nội)
10	076/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol Hải Phòng)
11	077/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol Quảng Ninh)
12	078/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol Đà Nẵng)
13	079/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh)
14	080/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh)
15	081/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh)
16	082/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh)
17	083/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (VPTĐ)
18	084/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (VPTĐ)
19	085/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (VPTĐ)
20	152/NQ-HĐQT	30/05/2016	Kết quả cuộc họp thường kỳ ngày 29/05/2018

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
21	195/NQ-HĐQT	10/08/2018	Kết quả cuộc họp thường ký ngày 09/18/2018
22	196/NQ-HĐQT	10/08/2018	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018
23	244/NQ-HĐQT	20/11/2018	Kết quả cuộc họp thường ký ngày 15/11/2018

III. Ban kiểm soát (Năm 2018)/ *Supervisory Board (Semi-annual/annual report)*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of Supervisory Board:*

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Supervisory Board</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>Day becoming/no longer member of the Supervisory Board</i>	Số buổi họp BKS tham dự <i>Number of attendance</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Percentage</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Bà Nguyễn Thị Thủy Ngân	Trưởng BKS	09/04/2018	4	100%	
2	Ông Nguyễn Quốc Minh	TV BKS	09/04/2018	4	100%	
3	Ông Nguyễn Trung Hiếu	TV BKS	09/04/2018	4	100%	

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông *Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of Directors and shareholders:*

- Tham dự 04 cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị; ghi nhận tình hình hoạt động của các đơn vị và tham gia đóng góp ý kiến về hoạt động kinh doanh, quản trị và đầu tư phát triển Công ty; giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ, các quy chế, quy định do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã ban hành.
- Theo dõi việc thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers:*

- Một trong ba thành viên BKS đang giữ các chức vụ quản lý tại đơn vị thành viên, tham gia vào hoạt động kinh doanh của đơn vị nên có điều kiện trao đổi thường xuyên, góp ý trực tiếp với lãnh đạo đơn vị về hoạt động kinh doanh, điều hành.

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other activities of the Supervisory Board (if any):*

IV. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance:*

- Thực hiện các thông tư, công văn mới: Công văn 2463/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 11/05/2016.

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm 2018) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty / *List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (Semi-annual/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company)*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *List of affiliated persons of the Company*

(Xin xem file gửi kèm)

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Addresses</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh

		(if any)		date of issue, place of issue		at the end of the period	of the period
1	(Tên người nội bộ/ Name of internal person)						
	Tên người có liên quan của người nội bộ/ Name affiliated person						
2	...						

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/
Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company – N/A

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues

CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOD
(Ký tên và đóng dấu)
(Sign and seal)



TS. Bùi Duy Chính



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN VINACONTROL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
1	Bùi Duy Chính	Chủ tịch HĐQT			
1.1	Đoàn Bích Hồng				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.2	Bùi Phương Thảo				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.3	Bùi Duy Anh				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.4	Bùi Công Trùng				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.5	Bùi Hồng Thịnh				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.6	Bùi Hồng Việt				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.7	Bùi Duy Hùng				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.8	Bùi Hải Yến				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
2	Mai Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc			
2.1	Lê Thị Hương Giang				NCLQ của Tổng giám đốc
2.2	Mai Trúc Quỳnh				NCLQ của Tổng giám đốc
2.3	Mai Sĩ Tuấn				NCLQ của Tổng giám đốc
2.4	Mai Trọng Đức				NCLQ của Tổng giám đốc
3	Phan Văn Hùng	Tổng giám đốc, Người CBTT			
3.1	Phan Văn Thiêm				NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.2	Trần Thị Xuân				NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.3	Trương Thị Mai Hoa				NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.4	Phan Tùng Sơn				NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.5	Phan Tùng Hưng				NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.6	Phan Văn Hải				NCLQ của Ủy viên HĐQT



STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
4	Dương Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT			
4.1	Dương Trung Quốc				NCLQ của Ủy viên HĐQT
4.2	Nguyễn Thị Thu Hằng				NCLQ của Ủy viên HĐQT
4.3	Phạm Thành Đô				NCLQ của Ủy viên HĐQT
4.4	Dương Thu Nga				NCLQ của Ủy viên HĐQT
5	Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT			
5.1	Nguyễn Thọ Luyện				NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.2	Phạm Thị Thanh				NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.3	Vũ Quang Tùng				NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.4	Vũ Đức An				NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.5	Vũ Bảo Hân				NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.6	Nguyễn Thọ Linh				NCLQ của Ủy viên HĐQT
6	Lưu Ngọc Hiền	Kế toán trưởng			
6.1	Vũ Minh Nguyệt				NCLQ của Kế toán trưởng
6.2	Lưu Ngọc Hiệp				NCLQ của Kế toán trưởng
6.3	Lưu Minh Châu				NCLQ của Kế toán trưởng
6.4	Lưu Thị Thìn				NCLQ của Kế toán trưởng
6.5	Lưu Thị Tuất				NCLQ của Kế toán trưởng
6.6	Lưu Thị Hoà				NCLQ của Kế toán trưởng
7	Nguyễn Thị Thùy Ngân	Trưởng BKS			
7.1	Nguyễn Đức Hợp				NCLQ của Trưởng BKS
7.2	Lê Thị Nguyên				NCLQ của Trưởng BKS
7.3	Phạm Văn Hào				NCLQ của Trưởng BKS
7.4	Nguyễn Thị Thùy Nga				NCLQ của Trưởng BKS
8	Nguyễn Quốc Minh	TV BKS			
8.1	Hoàng Thị Nga				NCLQ của TV BKS

1077
 G T
 PHÂN
 ĐOÀ
 ONT
 NG

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
8.2	Hoàng Thị Hương Giang				NCLQ của TV BKS
8.3	Nguyễn Hoàng Hương Dung				NCLQ của TV BKS
8.4	Nguyễn Hoàng Hà				NCLQ của TV BKS
8.5	Nguyễn Hồng Quang				NCLQ của TV BKS
8.6	Nguyễn Quốc Bình				NCLQ của TV BKS
8.7	Nguyễn Hoàng An				NCLQ của TV BKS
9	Nguyễn Trung Hiếu	TV BKS			
9.1	Nguyễn Tiến Thò				NCLQ của TV BKS
9.2	Nguyễn Thị Vui				NCLQ của TV BKS
9.3	Đặng Sơn Nguyệt Thảo				NCLQ của TV BKS
9.4	Nguyễn Sơn Tùng				NCLQ của TV BKS
9.5	Nguyễn Đăng Anh				NCLQ của TV BKS
9.6	Nguyễn Trung Thành				NCLQ của TV BKS
9.7	Nguyễn Tùng Nghĩa				NCLQ của TV BKS
9.8	Công ty TNHH MTV Khai thác và chế biến đá An Giang				NCLQ của TV BKS
9.9	Công ty CP Thương mại du lịch và Dịch vụ tổng hợp Điện Biên				NCLQ của TV BKS





DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên cổ đông	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Ghi chú
1	Bùi Duy Chính	Chủ tịch HĐQT	423,520	4.034%	
1.1	Đoàn Bích Hồng		0		
1.2	Bùi Phương Thảo		0		
1.3	Bùi Duy Anh		0		
1.4	Bùi Công Trùng		0		
1.5	Bùi Hồng Thịnh		0		
1.6	Bùi Hồng Việt		0		
1.7	Bùi Duy Hùng		0		
1.8	Bùi Hải Yến		0		
2	Mai Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc	22,933	0.218%	
2.1	Lê Thị Hương Giang		0		
2.2	Mai Trúc Quỳnh		0		
2.3	Mai Sĩ Tuấn		0		
2.4	Mai Trọng Đức		0		
3	Phan Văn Hùng	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Người CBTT	10,960	0.104%	
3.1	Phan Văn Thiêm		0		
3.2	Trần Thị Xuân		0		
3.3	Trương Thị Mai Hoa		0		
3.4	Phan Tùng Sơn		0		
3.5	Phan Tùng Hưng		0		
3.6	Phan Văn Hải		0		



STT	Tên cổ đông	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Ghi chú
4	Dương Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	0		
4.1	Dương Trung Quốc		0		
4.2	Nguyễn Thị Thu Hằng		144,900	1.380%	
4.3	Phạm Thành Đô		0		
4.4	Dương Thu Nga		0		
5	Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT	0		
5.1	Nguyễn Thọ Luyến		0		
5.2	Phạm Thị Thanh		0		
5.3	Vũ Quang Tùng		0		
5.4	Vũ Đức An		0		
5.5	Vũ Bảo Hân		0		
5.6	Nguyễn Thọ Linh		0		
6	Lưu Ngọc Hiền	Kế toán trưởng	42,520	0.405%	
6.1	Vũ Minh Nguyệt		0		
6.2	Lưu Ngọc Hiệp		0		
6.3	Lưu Minh Châu		0		
6.4	Lưu Thị Thìn		0		
6.5	Lưu Thị Tuất		0		
6.6	Lưu Thị Hoà		0		
7	Nguyễn Thị Thủy Ngân	Trưởng BKS	0		
7.1	Nguyễn Đức Hợp		0		
7.2	Lê Thị Nguyên		0		
7.3	Phạm Văn Hảo		0		
7.4	Nguyễn Thị Thùy Nga		0		

107
 NG
 PH
 Đ
 CONT
 JNG

STT	Tên cổ đông	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Ghi chú
8	Nguyễn Quốc Minh	TV BKS	0		
8.1	Hoàng Thị Nga		0		
8.2	Hoàng Thị Hương Giang		0		
8.3	Nguyễn Hoàng Hương Dung		0		
8.4	Nguyễn Hoàng Hà		0		
8.5	Nguyễn Hồng Quang		0		
8.6	Nguyễn Quốc Bình		0		
8.7	Nguyễn Hoàng An		0		
9	Nguyễn Trung Hiếu	TV BKS	0		
9.1	Nguyễn Tiến Thòa		0		
9.2	Nguyễn Thị Vui Đặng Sơn		0		
9.3	Nguyễn Thảo		0		
9.4	Nguyễn Sơn Tùng		0		
9.5	Nguyễn Đăng Anh		0		
9.6	Nguyễn Trung Thành		0		
9.7	Nguyễn Tùng Nghĩa		0		
9.8	Công ty TNHH MTV Khai thác và chế biến đá An Giang		0		Kiểm soát viên
9.9	Công ty CP Thương mại du lịch và Dịch vụ tổng hợp Điện Biên		0		Thành viên Ban kiểm soát

